TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1596**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/01/2025 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 0440820xxxxx cấp ngày 16/01/2022. Địa chỉ: 1 đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Minh H1**, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 0601900xxxxx cấp ngày 18/9/2022. Địa chỉ: 1 đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Minh H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Minh H1 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Minh H1 (Theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 114/2008, đăng ký ngày 29/8/2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Huỳnh Thị Minh H1 có 03 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Quốc M (sinh ngày 19/5/2007), Nguyễn Ngọc Quốc T (sinh ngày 22/01/2009) và Nguyễn Ngọc Quốc T1 (sinh ngày 15/12/2021). Giao hai người con chung - cháu Nguyễn Ngọc Quốc T (sinh ngày 22/01/2009) và Nguyễn Ngọc Quốc T1 (sinh ngày 15/12/2021) cho bà Huỳnh Thị Minh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Con chung – cháu Nguyễn Ngọc Quốc M (sinh ngày 19/5/2007) đã thành niên, hai bên không yêu cầu nên Tòa án không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị Minh H1 không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng cho con.

2.4. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn – bà Huỳnh Thị Minh H1 về việc yêu cầu chia tài sản chung.

4. Án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng, ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí sơ thẩm mà ông H đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079451 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh. H2 lại cho ông H số tiền 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền nêu trên.

- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Minh H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030520 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2-TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 2-TP.HCM;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Kim Anh), 15.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Danh Đời